



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 01–51 : 2011/BNNTPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI HAI DÒNG**

National Technical Regulation on Seed Quality of Two Line Hybrid Rice

HÀ NỘI - 2011

Lời nói đầu

QCVN 01–51 : 2011/BNNPTNT do *Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia biên soạn*, Cục Trồng trọt trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số **45** /2011/TT-BNNPTNT ngày **24** tháng **6** năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI HAI DÒNG

National Technical Regulation on Seed Quality of Two Line Hybrid Rice

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu, mức giới hạn, phương pháp kiểm tra và yêu cầu quản lý chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng thuộc loài *Oryza sativa* (L.) gồm dòng mẹ bất dục đực mẫn cảm nhiệt độ (Thermosensitive Genic Male Sterile – TGMS), dòng bố, và hạt lai (F₁) trong sản xuất và kinh doanh.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất và kinh doanh giống lúa lai hai dòng tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ

- Hạt giống tác giả là hạt giống thuần do tác giả chọn, tạo ra.
- Hạt giống siêu nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc phục tráng từ hạt giống sản xuất theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống xác nhận là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu về đất

Ruộng nhân dòng TGMS, dòng bố, và sản xuất hạt lai F₁ phải sạch cỏ dại, lúa vụ trước và các cây trồng khác.

2.1.2. Yêu cầu về nhiệt độ trong giai đoạn mẫn cảm nhiệt độ

Giai đoạn mẫn cảm nhiệt độ của dòng TGMS từ đầu bước 4 đến cuối bước 6 (phân chia theo Đỉnh Dính) của quá trình phân hóa đòng (trước khi lúa trổ từ 18 ngày đến 10 ngày).

Đối với sản xuất hạt lai F₁: nhiệt độ trung bình hàng ngày trong giai đoạn này phải cao hơn ngưỡng nhiệt độ gây chuyển đổi tính dục của từng dòng bất dục đực.

2.1.3. Yêu cầu cách ly

Ruộng nhân dòng bố, mẹ, và sản xuất hạt lai F₁ phải cách ly với các ruộng trồng lúa khác ở xung quanh bằng một trong các phương pháp quy định ở Bảng 1.

Bảng 1 – Yêu cầu cách ly

Ruộng sản xuất	Phương pháp cách ly		
	Không gian	Thời gian	Vật cản
Dòng TGMS	- Chọn dòng: ít nhất 300 m - Nhân dòng: ít nhất 300 m	Trở trước hoặc sau ít nhất 20 ngày	Địa hình tự nhiên (đê, đồi núi, ...).
Dòng bố	- Chọn dòng: ít nhất 50 m - Nhân dòng: ít nhất 20 m	Trở trước hoặc sau ít nhất 15 ngày	Hàng rào chắn (đê, tường, đồi núi, ni lon...) cao ít nhất 2,5 m, cách các ruộng lúa khác cùng trở ít nhất 50 m.
Hạt lai F ₁	ít nhất 100 m	Trở trước hoặc sau ít nhất 20 ngày	Hàng rào chắn (đê, tường, đồi núi, ni lon...) cao ít nhất 2,5 m, cách các ruộng lúa khác cùng trở ít nhất 50 m.

2.1.4. Độ thuần giống

Ruộng nhân dòng TGMS, dòng bố, và sản xuất hạt lai F₁, tại mỗi lần kiểm định phải đạt độ thuần giống theo quy định ở Bảng 2.

Bảng 2 – Chỉ tiêu độ thuần giống

Cấp giống, đơn vị tính	Dòng TGMS	Dòng bố	Ruộng sản xuất hạt lai F₁
Siêu nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn	100	100	-
Nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn	99,9	99,9	-
Xác nhận, % số cây, không nhỏ hơn	99,7	99,7	99,7

2.1.5. Mức độ bất dục của dòng TGMS

Tỷ lệ hạt phấn hữu dục và tỷ lệ kết hạt của dòng TGMS trên ruộng nhân dòng phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 3.

Bảng 3 – Yêu cầu tỷ lệ hạt phấn hữu và tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly trên ruộng sản xuất hạt lai F₁

Chỉ tiêu	Hạt lai F₁
Tỷ lệ hạt phấn hữu dục, % số hạt, không lớn hơn	0,5
Tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly, % số hạt, không lớn hơn	0,3

2.1.6. Cỏ dại

Tại mỗi lần kiểm định, phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 4.

Bảng 4 – Yêu cầu về cỏ dại trên ruộng nhân dòng và ruộng sản xuất hạt lai

Chỉ tiêu, đơn vị tính	Ruộng nhân dòng bố, mẹ			Ruộng sản xuất hạt lai F ₁
	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	
Cỏ dại nguy hại ^a , số cây /100m ² , không lớn hơn	0	1	3	5
CHÚ THÍCH: ^a Cỏ lồng vực cạn (<i>Echinochloa colona</i>); cỏ lồng vực nước (<i>Echinochloa crus-galli</i>); cỏ lồng vực tím (<i>Echinochloa glabrescens</i>); cỏ đuôi phượng (<i>Leplochia chinensis</i>); lúa cỏ (<i>Oryza sativa</i> L. var. <i>fatua</i> Prain).				

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 5.

Bảng 5 – Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chỉ tiêu	Dòng TGMS			Dòng bố			Hạt lai F ₁
	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	
Độ sạch, % khối lượng không nhỏ hơn	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0	98,0
Hạt cỏ dại, số hạt/kg, không lớn hơn	0	5	10	0	5	10	10
Hạt khác giống có thể phân biệt được, % số hạt, không lớn hơn	0	0,01	0,05	0	0,05	0,25	0.30
Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn	80	80	80	80	80	80	80
Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA**3.1. Phương pháp kiểm định**

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng ruộng giống lúa lai hai dòng quy định tại Mục 2.1 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8550:2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống*.

3.1.2. Số lần kiểm định: ít nhất 4 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Sau khi cấy hoặc gieo thẳng từ 10 ngày đến 20 ngày;

- Lần 2: Khi lúa trổ từ 1% đến 5%;
- Lần 3: Khi lúa trổ từ 50% đến 70%;
- Lần 4: Trước khi thu hoạch từ 5 ngày đến 7 ngày.

3.2. Phương pháp kiểm nghiệm

3.2.1. Lấy mẫu lô hạt giống lúa lai hai dòng theo TCVN 8548:2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng quy định tại Mục 2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8548:2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.3. Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần giống

Kiểm tra tính đúng giống và độ thuần hạt giống lúa lai hai dòng trên ô thí nghiệm khi cần thiết theo TCVN 8547:2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống*.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Việc chứng nhận và công bố hợp quy đối với chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp luật hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh hạt giống lúa lai hai dòng phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Mục II của Quy chuẩn này; thực hiện việc chứng nhận và công bố hợp quy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

5.2. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ hạt giống lúa lai hai dòng phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Trồng trọt có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này. Căn cứ yêu cầu quản lý giống lúa lai hai dòng, Cục Trồng trọt có trách nhiệm kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn hoặc hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.